

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Nga;

ông Huỳnh Văn Dứt.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Tăng Quang T, sinh năm 1980; cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Trà Thị Th, sinh năm 1984; cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Tăng Quang T trình bày: anh T và chị Th chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2010, ngày đăng ký 08/7/2010.

Cách đây 02 năm, chị Th có mối quan hệ với người đàn ông khác và bỏ đi theo người đó cho đến nay. Anh T cũng có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Th lại không chịu từ bỏ mối quan hệ bất chính đó. Anh T có nói với chị Th nên về chăm lo con cái cùng anh T thì chị Th cũng không chịu.

Trong Tết nguyên đán năm 2022, chị Th có trở về ở chung nhà với anh T khoảng 10 bữa, nửa tháng, anh T có ý kiến với chị Th “có ở với anh T thì ở, chứ về tới lui ở chung nhà như vậy trong khi chị Th có người khác thì xóm giềng cười chê”. Chị Th mới nói với anh T là “ở chung với anh T thì từ từ đi, ly dị thì không chịu”.

Mặc dù anh T vẫn tạo điều kiện hàn gắn với chị Th, nhưng anh T thấy đến thời điểm này, anh T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn ra tòa thì không bao giờ rút đơn lại được, cũng không còn cách nào để hàn gắn. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn chị Trà Thị Th.

Quá trình chung sống, vợ chồng có được 02 đứa con chung Tăng Quang Sơn, sinh ngày 11/3/2008 và Tăng Quang Hưng, sinh ngày 19/01/2012, lần lượt theo bản sao giấy khai sinh số 000386/2010, quyển số 02/2010, ngày đăng ký 02/11/2010, bản sao giấy khai sinh số 88/2012, quyển số 01/2012, ngày đăng ký 27/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã H cấp. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: anh T và chị Th có cất nhà trên nền đất của mẹ ruột của anh T, căn nhà chưa hoàn chỉnh cửa nẻo, chưa tô trát, chưa lát gạch, chỉ dùng tạm tấm thiết che mưa chống nắng cư trú qua ngày. Căn nhà không có giá trị gì nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: chi phí lợp nhà do anh T có mượn 02 chỉ vàng 24k của em trai anh T. Dù vậy, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Th do không còn thương yêu nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Anh T đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị Th từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà Th không chịu lo cho gia đình và có mối quan hệ với người đàn ông khác; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, ông Trường xác định không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với việc nuôi con sau khi ly hôn thì con Tăng Quang Sơn, Tăng Quang Hưng đang sống chung với anh T, cả hai đứa con phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, con Tăng Quang Hưng, Tăng Quang Sơn có

nguyện vọng sống chung với anh T nên giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi con và anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trường đối với bà Th. Khi ly hôn, anh T được tiếp tục nuôi 02 đứa con Tăng Quang Sơn, sinh ngày 11/3/2008 và Tăng Quang Hưng, sinh ngày 19/01/2012 và chị Th không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Anh T có đơn khởi kiện đối với chị Th về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Chị Th có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh T và chị Th xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, anh T cho rằng quá trình chung sống thì chị Th có mối quan hệ bất minh với người đàn ông khác. Qua đó, Tòa án xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T và chị Th thì xác định “vợ chồng anh T, chị Th có mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm, cả hai ly thân với nhau” theo biên bản xác minh ngày 27/5/2022. Như vậy, Tòa án xác định thực tế giữa anh T và chị Th có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng không rõ thời điểm ly thân đến nay. Về vấn đề ý kiến của anh T cho rằng chị Th ngoại tình thì Tòa án xác định đây chỉ là ý kiến cá nhân của anh T và không có cơ sở xem xét do không có chứng cứ chứng minh.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Th không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, xem như chị Th từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng chị Th không thiện chí hợp tác, đều vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án. Đồng thời, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến và kiên quyết ly hôn với chị Th do không còn tình cảm vợ chồng nên Tòa án xét thấy khả năng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân của anh T và chị Th không được bảo đảm.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh T yêu cầu ly hôn với chị Th là có căn cứ do vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bỏ mặc nhau dẫn đến không còn tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Th.

[6] Khi ly hôn, anh T có yêu cầu nuôi con Tăng Quang Sơn, sinh ngày 11/3/2008 và Tăng Quang Hưng, sinh ngày 19/01/2012 do đang sống chung với Trường. Theo đó, cả 02 đứa con được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt trong khoảng thời gian dài ở chung với anh T. Điều này, chị Th cũng không có ý kiến phản đối. Ngoài ra, 02 đứa con có nguyện vọng sống chung với anh T phù hợp biên bản xác minh ngày 27/5/2022 thể hiện “các con do anh T đang nuôi dưỡng, phát triển bình thường”. Như vậy, nhằm tạo điều kiện sinh hoạt, môi trường sống ổn định cho 02 con. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con Tăng Quang Sơn và Tăng Quang Hưng cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị Th thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: anh T phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tăng Quang T đối với bị đơn chị Trà Thị Th.

1. Anh Tăng Quang T được ly hôn với chị Trà Thị Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyền số 01/2010, ngày đăng ký 08/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho anh T và chị Th không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Tăng Quang Sơn, sinh ngày 11/3/2008 và Tăng Quang Hưng, sinh ngày 19/01/2012 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị Th không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: anh Tăng Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010320 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Anh T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Chị Th vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân